

Bản án số: 04/2022/KDTM-ST

Ngày: 27/01/2022

*V/v: Tranh chấp phát sinh từ hợp
đồng đại lý*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM THÀNH PHỐ HÀ NỘI
*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh*
- *Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc sơn và bà Dương Thị Thảo*
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Bích Thủy*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - Kiểm sát viên*

Trong ngày 27/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố H, mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 42/2021/TLST-KDTM ngày 02/12/2021, về việc “Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng đại lý” giữa:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần C Việt Nam (gọi tắt là Công ty C)

Địa chỉ: B12A-12B, Vinhomes Gardenia, đường Hàm Nghi, phường C, quận N, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết Ch – Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn H, ông Dương Đức T, bà Nguyễn Thị Ngọc L, theo giấy uỷ quyền ngày 08/4/2021 của Công ty cổ phần C Việt Nam – Có mặt bà Linh

Bị đơn: Công ty cổ phần thương mại dịch vụ L (Công ty L)

Địa chỉ: Lô A10 KĐT Xuân Phương – Garden, phường Phương Canh, quận N, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân Ch – Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Mậu Th. Theo giấy uỷ quyền số 08 ngày 09/12/2021 – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 01/01/2019, Công ty C và Công ty L ký kết Hợp đồng phân phối số 002/2019/HĐPP/CP-KL. Hợp đồng ghi nhận các điều khoản cơ bản sau: Công ty C kinh doanh và phân phối điều hòa cho

Công ty L – hộ kinh doanh cá thể có chức năng kinh doanh các sản phẩm điện lạnh và điện gia dụng; Sản phẩm: Máy điều hòa mang thương hiệu C; Thời hạn Hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2019; Số lượng tối thiểu cho mỗi đơn đặt là 28 bộ điều hòa hoặc giá trị tương đương 210.000.000đ đối với khu vực trực thuộc thành phố H và các tỉnh thành khác cách trung tâm thành phố H trong phạm vi dưới 150 km. Đơn hàng tối thiểu 50 bộ điều hòa tương đương với 375.000.000đ đối với các tỉnh cách trung tâm thành phố H trên 150km; Thời hạn thanh toán: Công ty L thanh toán cho Công ty C theo quy định trong các chính sách bán hàng của Công ty C hoặc theo thỏa thuận khác hoặc thanh toán theo đề nghị thanh toán do Công ty C gửi cho Công ty L; Nếu Công ty L chậm thanh toán cho Công ty C thì Công ty L phải trả cho Công ty C mức phạt chậm thanh toán là 0,1%/ngày trên tổng số tiền nợ quá hạn. Kể từ ngày thứ 30 trở về sau, nếu Công ty L vẫn còn nợ tiền quá hạn thanh toán thì phải chịu mức phạt chậm thanh toán là 0,2%/ngày trên tổng số tiền nợ quá hạn đến khi thanh toán xong;

Bên nào vi phạm bất cứ điều khoản nào được quy định trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng, sẽ phải chịu mức phạt 8% giá trị hợp đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Khi hết thời hạn Hợp đồng, Công ty C đã ngừng cung cấp hàng hóa và yêu cầu Công ty L thanh toán công nợ đối với các đơn hàng đã giao.

Ngày 16/03/2021, các bên đã có biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận số nợ Công ty L còn phải thanh toán là 2.027.144.910đ. Sau thời điểm chốt công nợ, Công ty C liên tục yêu cầu Công ty L thực hiện nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên Công ty L không hợp tác và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Ngày 04/05/2021, đại diện theo ủy quyền của Công ty C là Công ty Luật TNHH M đã có buổi làm việc trực tiếp với đại diện Công ty L là ông Th. Công ty L đề xuất phương án trả nợ là: “thanh toán 50.000.000đ/tháng. Tuy nhiên, Công ty C nhận thấy khoản tiền theo đề xuất này quá thấp so với tổng dư nợ và không đồng ý với phương án nêu trên, đồng thời tiếp tục yêu cầu Công ty L thực hiện ngay nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ mà hai bên đã xác nhận.

Ngày 02/06/2021, mặc dù không được sự đồng ý của Công ty C về phương án thanh toán đã đề xuất, nhưng Công ty L vẫn chuyển tài khoản cho Công ty C số tiền là 50.000.000đ. Sau thời điểm chuyển thanh toán này, tính đến thời điểm hiện tại, Công ty L không thanh toán cho Công ty C bất cứ khoản công nợ nào khác.

Theo đó, số tiền nợ gốc đến thời điểm hiện tại Công ty L còn phải thanh toán cho Công ty C là 1.977.144.910đ. Hai bên chưa thống nhất được phương án thanh toán công nợ, đồng thời Công ty C không liên hệ làm việc được với đại diện của Công ty L. Công ty C hiểu rằng Công ty L đang có hành vi trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ, đồng thời không có thiện chí hợp tác để giải quyết dứt điểm tranh chấp làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty C.

Trên cơ sở những nội dung nêu trên, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty C đề nghị Tòa án nhân dân quận N giải quyết những vấn đề sau đây theo quy định pháp luật:

1. Yêu cầu Công ty cổ phần thương mại dịch vụ L thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ công nợ theo Hợp đồng phân phối số 002/2019/HĐPP/CP-KL tương ứng với số tiền là 1.977.144.910đ

2. Yêu cầu Công ty cổ phần thương mại dịch vụ L thực hiện nghĩa vụ thanh toán phần lãi chậm trả theo quy định của pháp luật đối với phần công nợ chưa thanh toán kể từ thời điểm hai bên ký kết biên bản chốt công nợ vào ngày 16/03/2021 đến thời điểm Công ty cổ phần thương mại dịch vụ L thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ công nợ. Lãi chậm trả tạm tính từ ngày 16/3/2021 đến ngày 18/11/2021 là: 268.617.889đ

3. Yêu cầu Công ty cổ phần thương mại dịch vụ L thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng tương đương với số tiền bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm tương ứng với số tiền là 162.171.593đ.

Tổng số tiền Công ty cổ phần thương mại dịch vụ L phải thanh toán cho Công ty cổ phần C Việt Nam là 2.407.934.392đ.

Hết ngày 28/02/2022 đề nghị Công ty L thanh toán cho Công ty chúng tôi toàn bộ khoản nợ trên.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Công ty L xác nhận cùng Công ty C ký Hợp đồng phân phối số 002/2019/HĐPP/CP-KL là đúng.

Công ty L đã thanh toán cho Công ty C số tiền là 1.750.000.000đ. Hai bên đã đối chiếu công nợ, Công ty L xác nhận số tiền còn nợ theo hợp đồng là 1.977.144.910đ; Tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 16/3/2021 đến ngày 27/01/2022 là 344.453.584đ; Tiền phạt vi phạm hợp đồng là: 162.171.593đ. Tổng cộng là 2.483.770.087đ.

Đến nay Công ty L không có ý kiến hay thắc mắc gì về nội dung của Hợp đồng. Tuy nhiên, hiện nay Công ty L làm ăn rất khó khăn nên chưa trả nợ cho Công ty C đúng hạn. Công ty L đề nghị Công ty C cho Công ty L thanh toán toàn bộ khoản nợ theo lộ trình sau: Kể từ tháng 01 đến tháng 06/2022 công ty L sẽ thanh toán số tiền nợ từ 100.000.000đ đến 200.000.000đ/tháng. Từ tháng 06/2022 đến cuối năm 2022 nếu tình hình tài chính ổn định công ty L đẩy nhanh tiến độ và mục tiêu cuối năm 2022 thanh toán hết toàn bộ công nợ cho Công ty C.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi chậm thanh toán và tiền phạt vi phạm hợp đồng theo Hợp đồng phân phối đã ký kết số tiền tính đến ngày xét xử là 2.483.770.087 đ. Trong đó tiền nợ phải trả là 1.977.144.910đ; Tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 16/3/2021 đến ngày 27/01/2022 là 344.453.584đ; Tiền phạt vi phạm hợp đồng là 162.171.593đ.

Bị đơn chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn xin được trả dần đối với số nợ mà nguyên đơn yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các thành viên HĐXX, thư ký đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. các đương sự trong vụ án cũng chấp hành nghiêm các quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 2.483.770.087đ. Trong đó tiền nợ phải trả là 1.977.144.910đ; Tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 16/3/2021 đến ngày 27/01/2022 là: 344.453.584đ; Tiền phạt vi phạm hợp đồng là 162.171.593đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp cùng các tài liệu, chứng cứ do Tòa án xác minh thu thập được xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại phát sinh từ Hợp đồng đại lý. Bị đơn có trụ sở hoạt động tại lô A10 KĐT Xuân Phương Garden, phường Phương Canh, quận N, thành phố H. Do vậy, Tòa án nhân dân quận N thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của BLTTDS.

[2] Về nội dung: Ngày 01/01/2019, Công ty C và Công ty L ký kết Hợp đồng phân phối số 002/2019/HĐPP/CP-KL. Hợp đồng được hai bên thỏa thuận: Công ty C kinh doanh và phân phối điều hòa cho Công ty L hộ kinh doanh cá thể có chức năng kinh doanh các sản phẩm điện lạnh và điện gia dụng, sản phẩm phân phối là máy điều hòa mang thương hiệu C. Việc ký kết hợp đồng là tự nguyện, các bên đã thực hiện đầy đủ theo nội dung của Hợp đồng. Đến nay, hai Công ty không có tranh chấp gì về nội dung của các Hợp đồng đã ký kết và tự nguyện thực hiện. Hai bên đã đối chiếu công nợ, theo đó Công ty L còn phải trả cho Công ty C tính đến ngày xét xử hôm nay là 2.483.770.087đ. Trong đó tiền nợ phải trả là 1.977.144.910đ; Tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 16/3/2021 đến ngày 27/01/2022 là 344.453.584đ (nguyên đơn đã tính toán và điều chỉnh lại cách tính lãi suất thấp hơn mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, điều chỉnh về mức lãi suất không vượt quá quy định tại Điều 468 BLDS); Tiền phạt vi phạm hợp đồng là 162.171.593đ. Bị đơn chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện cho bị đơn được trả dần theo phương án mà bị đơn đã đưa ra trong suốt quá trình giải quyết vụ án vì hiện nay bị đơn đang gặp khó khăn về tài chính. Như vậy, việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí KDTMST theo quy định, trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều Điều 24, 50, 55, 306 Luật thương mại; Các Điều 357, 468 BLDS; Các Điều 30, 35, 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C Việt Nam đối với Công ty cổ phần thương mại dịch vụ L. Buộc Công ty cổ phần thương mại dịch vụ L phải trả cho Công ty cổ phần C Việt Nam số tiền 2.483.770.087đ. Trong đó, tiền nợ còn phải trả theo Hợp đồng là 1.977.144.910đ; Tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 16/3/2021 đến ngày 27/01/2022 là 344.453.584đ; Tiền phạt vi phạm hợp đồng là 162.171.593đ và tiếp tục phải chịu lãi suất chậm trả tính từ ngày 28/01/2022 theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chưa trả nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Về án phí: Buộc Công ty cổ phần thương mại dịch vụ L phải nộp 81.675.402đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty cổ phần C Việt Nam 40.079.344đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0033999 ngày 01/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố H.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND cùng cấp
- Cơ quan THA dân sự
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa